

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, 158, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 357, khoản 1, 5 Điều 466, 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 06/11/2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Kiều V, sinh năm 1975, địa chỉ: thôn Đông H, xã Ninh K, huyện Hoa L, tỉnh Ninh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Trần Văn S và ông Vũ Văn Q - Luật sư Công ty Luật TNHH Hiệp Thành, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

- *Bị đơn*: Vợ chồng anh Trần Mạnh H, sinh năm 1980, chị Lê Thị T, sinh năm 1980, đều có địa chỉ tại: phố Thiên S, thị trấn Thiên T, huyện Hoa L, tỉnh Ninh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tính đến ngày 17/11/2023, vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Lê Thị T còn phải trả cho chị V tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 1.070.604.000 (một tỷ không trăm bảy mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn) đồng, trong đó: tiền gốc là 991.300.000 (chín trăm chín mươi một triệu ba

trăm nghìn) đồng, tiền lãi là 79.304.000 (bảy mươi chín triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng anh H, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10 %/năm.

Số tiền vợ chồng anh H, chị T phải trả cho chị V được phân chia thành các kỳ hạn cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 29/02/2024, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 15/05/2024, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 3: Ngày 15/08/2024, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 4: Ngày 15/11/2024, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 5: Ngày 15/02/2025, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 6: Ngày 15/05/2025, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 7: Ngày 15/08/2025, trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 8: Ngày 15/11/2025, trả 370.604.000 (ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án đến thời điểm thanh toán.

Trường hợp vợ chồng anh H, chị T vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả tiền của kỳ hạn nào nêu trên thì chị V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành toàn bộ nghĩa vụ trả tiền của anh H, chị T đối với các kỳ hạn còn lại.

2.2. Về án phí: Vợ chồng anh H, chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn) là 22.059.000 (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn) đồng. Trả lại cho chị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.059.000 (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000606 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Oanh